Ngày soạn:

Ngày dạy::

**BÀI 31: ĐỘNG VẬT**

**I.MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

***-*** Sau khi học xong bài này, HS:

* Phân biệt được hai nhám động vật không xương sống và động vật có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoa.
* Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống trong tự nhiên: Ruột khoang, Thân mềm, Chân khớp. Gọi được tên một số đại diện điển hình.
* Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống trong tự nhiên: (Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú (Động vật có vú). Gọi được tên một số đại diện điển hình của các nhóm.
* Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:**

* Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thần khi tìm hiểu về đa dạng động vật và vai trò của các nhóm động vật
* Giao tiếp và hợp tác: Tập hợp nhóm theo đúng yêu cầu, nhanh và đảm bảo trật tự; Xác định nội dung hợp tác nhóm trao đổi về đặc điểm của các nhóm động vật và vai trò của chúng; Thảo luận với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập nhằm xác định sự đa dạng các nhóm động vật tồn tại trong tự nhiên; Nhận ra và điều chỉnh những hạn chế của bản thân khi tham gia thảo luận nhóm
* Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để vẽ sơ đồ phân biệt các nhóm động vật trong tự nhiên; Giải thích được vai trò của động vật trong tự nhiên và trong đời sống.

**- Năng lực khoa học tự nhiên**

* Nhận thức khoa học tự nhiên: Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống; Lấy được ví dụ minh hoạ cho 2 nhóm này; Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống và các nhóm động vật có xương sống trong tự nhiên; Gọi được tên một số đại diện điển hình của mỗi nhóm
* Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát và nhận dạng được các đại điện thuộc các nhóm động vật không xương sống và các đại diện thuộc nhóm động vật có xương sống
* Nêu được tác hại của một số động vật trong đời sống
* Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Gọi được tên một số sinh vật điển hình của các nhóm.

**3. Phẩm chất**

* Có niềm tin yêu khoa học;
* Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm;
* Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung tháo luận trong bài học
* Luôn cố gắng vươn lên trong học tập;
* Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài động vật quý hiếm, phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

**2 . Đối với học sinh** : vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:** tạo hứng thú cho HS tìm hiểu về bài học

**b. Nội dung:**HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** *Gv đặt vấn đề từ câu hỏi phần khởi động:*

|  |  |
| --- | --- |
| Dẫn dắt: Thế giới động vật rất đa dạng. Có những loài động vật rất gần gũi hằng ngày tiếp xúc với chúng ta như chó, mèo, chim,…. Nhìn vào bức tranh chúng ta có thể nhận thấy rất nhiều loài động vật khác nhau. |  |

- Gv yêu cầu HS hãy quan sát tranh và kể tên các loài động vật trong hình. Em đã bao giờ nhìn thấy loài này chưa? Kể thêm một số loài động vật mà em biết.

- Dẫn dắt: Chúng ta phân chia động vật thành những nhóm nào? Muốn goi tên các loài động vật cần dựa trên những tiêu chí nào?

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. ĐA DẠNG ĐỘNG VẬT**

**Hoạt động 1: Phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết và phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống

**b. Nội dung:** HS quan sát tranh hình 31.1 và các tranh ảnh video khác để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: sử dụng phương pháp trực quan yêu cầu HS hoạt động thảo luận theo cặp, cùng suy nghĩ để tìm ra điểm khác biệt của động vật không xe sống và động vật có xương sống. Sau đó, GV gơi và định hướng cho HS thảo luận theo các nội dung trong bài:  *1. Quan sát hình 31.1 và chỉ ra điểm khác biệt giữa động vật không xương sống và động vật có xương sống.*  Câu hỏi bổ sung:  *\* Em hãy kể tên một số đại diện thuộc nhóm động vật không xương sống và động vật có xương sống.*  **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS Hoạt động theo nhóm đôi, quan sát hình vẽ  + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.  **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV gọi HS trả lời, HS còn lại nghe và nhận xét  **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV gợi ý HS rút ra kết luận như SGK và bồ sung thêm kiến thức về đặc điểm chung của động vật: Động vật có cơ thể đa bào phân hóa thành mô, cơ quan, hệ cơ quan để đảm bảo các chức năng sống khác nhau, có lỗi sống dị dưỡng, di chuyển tích cực, thần kinh và giác quan phát triền | **1. Đa dạng động vật**  **a. Phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống**  - Tiêu chí phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống là bộ xương cột sống. Động vật không xương sống chưa có xương cột sống để nâng đỡ cơ thể, đù một số nhóm đã có bộ xương ngoài tạo nên lớp áo giáp bảo vệ. Động vật có xương sống đã có xương cột sống để nâng đỡ cơ thể.  + Đại diện thuộc nhóm động vật không xương sống: giun, châu chấu, sâu,....  + Đại diện thuộc nhóm động vật có xương sống: cá, lươn, ếch, chim bổ câu, ... |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu các nhóm động vật không xương sống trong tự nhiên**

**a) Mục tiêu:** HS nhận biết và phân biệt được các nhóm động vật không xương sống

**b. Nội dung:** HS quan sát tranh hình 31.2 a đến 31.2d và các tranh ảnh, video khác để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Sử dụng phương pháp trực quan, GV yêu cầu HS hoạt động thảo luận theo cặp, cùng suy nghĩ để nhận biết và phân biệt được các nhóm động vật không xương sống. GV chuẩn bị bộ ảnh về các đại diện động vật không xương sống, tổ chức cho HS thảo luận nhóm để tìm ra tiêu chí phân biệt các nhóm động vật không xương sống: kiểu đối xứng của cơ thể (toả tròn, hai bên), hình dạng cơ thể, vỏ bọc cơ thể (vỏ đá vôi, vỏ chitin), môi trường sống, cơ quan di chuyển (chân, cánh), ...  GV hướng dẫn HS xác định các đại điện động vật không xương sống thường xuất hiện ở đâu nhờ kinh nghiệm thực tế hoặc biết được qua chương trình thế giới động vật trên TV.  **- NV1:** GV sử dụng kĩ thuật nhóm chia lớp thành các nhóm nhỏ trả lời các câu hỏi phụ như sau:  1) Quan sát hình 31.2a em hãy kể tên các đại diện thuộc nhóm Ruột khoang.  2) Em biết những loại giun nào trong tự nhiên?  Gọi tên các đại diện nhóm Giun trong hình 31.2b. Theo em, có thể phân biệt các đại diện này bởi đặc điểm đặc trưng nào?  3) Em hãy kể tên những đại diện thuộc nhóm Thân mềm thường được sử dụng làm thực phẩm? Những đại diện nào có trong hình 31.2c?  4) Mô tả một đại điện Thân mềm mà em ấn tượng nhất.  5) Kế tên các đại diện thuộc nhóm Chân khớp dựa vào các gợi ý ở hình 31.2d. Điểm khác biệt lớn nhất của nhóm Chân khớp so với các nhóm Thân mềm, Giun, Ruột khoang là gì?  **NV2:** Yêu cầu HS thảo luận theo các nội dung trong bài:  + Quan sát hình 31.2, em hãy kể tên các nhóm động vật không xương sống và xác định đặc điểm mỗi nhóm.  + Để phân biệt các nhóm đông vật không xương sống, em có thể dựa vào đặc điểm nào?  + Xác định môi trường sống của các nhóm động vật không xương sống  Sau khi thảo luận và hoàn thiện phiếu học tập GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi củng cố:  + Nhận xét về sự đa dạng cảu các nhóm động vật không xương sống  -  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS Hoạt động theo nhóm đôi, và ghi lại kết quả thảo luận hoàn thành phiếu học tập  **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Sau khi Hs thảo luận câu trả lời, GV cho HS trả lời câu hỏi  **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **b. Tìm hiểu các nhóm động vật không xương sống trong tự nhiên**  - Các nhóm động vật không xương sống rất đa dạng: gồm nhiều loài, sống ở nhiều môi trường sống khác nhau.  - Để phân biệt các nhóm động vật không xương sống có thể dựa vào đặc điểm về kiểu xối xứng của cơ thể ( tỏa tròn, hai bên,…) hình dạng cơ thể, vỏ bọc cơ thể ( vỏ đá vôi, vỏ chitin), môi trường sống, cơ quan di chuyển ( chân cánh)  VD: Phân biệt lớn nhất của nhóm chân khớp so với các nhóm Thân mền, giun, ruột khoang là có bộ xương ngoài bằng chitin để nâng đỡ và bảo vệ cơ thể  Nhóm động vật không xương sống rất đa dạng:  + Số lượng loài lớn ( chiếm 80-90% số loài động vật)  + Số lượng các thể trong loài lớn  + Môi trường sống đa dạng: môi trường nước, cạn, trong lòng đất, không khí trên và trong cơ thể sinh vật khác,…. |
| **Phiếu học tập 1**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Các nhóm động vật không xương sống** | **Đặc điểm** | **Môi trường sống** | **Đại diện loài** | | Ruột khoang | Động vật đa bào bậc thấp, cơ thể hình trụ, có nhiều tua miệng, dối xửng tỏa tròn | Môi trường nước | thuỷ tức, sứa, san hô | | Giun | Hình dạng cơ thể đa dạng ( dẹp, hình ống, phân đốt) cơ thể đối xứng hai bên đã phân biệt phần đầu, phân đuôi, mặt lựng, mặt bụng | Môi trường trong đất hoặc trong cơ thể sinh vật | sán lá gan, giun đất, giun đũa. | | Thân mền | Cơ thể mềm không phân đốtm có vỏ đá vôi ( hai mảnh vỏ hoặc vỏ xoắn ốc), có điểm mắt | Môi trường nước, đất ẩm | mực, ốc, trai | | Chân khớp | Cấu tạo cơ thể chia 3 phần ( đầu, ngự, bụng), có cơ quan di chuyển ( chân, cánh), cơ thể phân đốt, đối xứng hai bên, có bộ xương ngoài bằng chitin để năng đỡ và bảo vệ cơ thể, các đôi chân có khớp động | Môi trường nước, đất, cạn, không khí, trên cơ thể sinh vật | nhện, rết, cua, tôm, châu chấu. | | |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu các nhóm động vật có xương sống trong tự nhiên**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết và phân biệt được các nhóm động vật có xương sống

**b. Nội dung:** HS quan sát tranh hỉnh 31.3, các tranh ảnh video và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Sử dụng phương pháp trực quan, GV yêu cầu HS hoạt động thảo luận theo cặp, cùng suy nghĩ để nhận biết và phân biệt được các nhóm động vật có xương sống. GV chuẩn bị bộ ảnh về các đại diện động vật có xương sống, hướng dẫn HS thảo luận nhóm để tìm ra tiêu chí phân biệt các nhóm động vật có xương sống: cơ quan hô hấp (mang, phổi), môi trường sống (ở nước, ở cạn), cách di chuyển (bơi, bò, bay, chạy, đi), lớp áo bảo vệ cơ thể (da, vảy sừng, lông vũ, lông mao), ...  GV hướng dẫn HS xác định các đại điện động vật có xương sống thường xuất hiện ở đâu bằng kinh nghiệm thực tế hoặc biết được qua chương trình thế giới động vật trên TV.  GV gợi ý và định hướng cho HS thảo luận theo các nội dung trong bài và một số câu hỏi phụ  *1) Theo em, cá có những đặc điểm nào phù hợp với đời sống trong môi trường nước?*  *2) Tìm hiểu thông tin và cho biết vì sao ếch thường sống ở môi trường ẩm ướt.*  *3) Nhóm Chim có những hình thức di chuyển nào? Lấy ví dụ.*  *4) Hãy lấy ví dụ về một số loài thú đẻ con và nuôi con bằng sữa mẹ.*  *5. Quan sát hình 31.3, em hãy kể tên các nhóm động vật có xương sống. Xác định đặc điểm mỗi nhóm.*  *6. Dựa vào đặc điểm nào để phân biệt các nhóm động vật có xương sống?*  *7. Các nhóm động vật có xương sống phân bố ở những môi trường nào?*  Sau đó yêu cầu HS trả lời câu hỏi củng cố và giải đó câu hỏi giải đố:  *\* Chứng minh sự đa dạng của nhóm động vật có xương sống.*  *Giải đố: Các loài động vật tham gia vào “bản giao hưởng” đêm hè trên những cánh đồng làng quê ở nước ta: ếch nhái, dế, ve sầu, chim cuốc.*  **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS đọc thông tin và tìm kiếm thông tin trả lời cho các câu hỏi hoàn thiện PHT2  **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV gọi HS trả lời, HS còn lại nghe và nhận xét sau đó hoàn thiện PHT2  **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Thông qua các nội dung thảo luận vù luyện tập trên, GV hướng dẫn để HS rút ra kết luận về các nhóm động vật có xương sống. | **c. Tìm hiểu các nhóm động vật có xương sống trong tự nhiên**  \* Nhóm Cá: hô hấp bằng mang; cơ thể hình thoi, thon hai đầu thuận lợi cho việc di chuyển dưới nước; có vây tác dụng như mái chào; vảy cá xếp lớp thuận tiện cho cá bơi ngang, bơi dọc, ...  \* Nhóm lưỡng cư: Ếch là đại diện thuộc nhóm Lưỡng cư, hô hấp vừa qua da, vừa qua phổi. Da ếch cần phải ẩm khi trao đổi khí để khí có thể khuếch tán qua bề mặt da. Do đó, ếch thường sống ở môi trường ẩm ướt.  \* Nhóm bò sát: thích nghi với môi trường trên cạn ( trừ cá sấu, rắn nướcs, rùa biển,… có thể thích nghi cả trên cạn và dưới nước) da khô, vảy sừng  \* Nhóm chim: có lông vũ bao phủ,c hi trước biển đổi thành cánh,c ó mỏ, thích nghi với nhiều môi trường khác nhau  Các hình thức di chuyển của nhóm Chim:  + Di chuyển kiểu bay: có kiểu bay đập cánh như bồ câu, sẻ, ... và bay lượn như  hải âu, diều hâu, ...  + Di chuyển bằng cách đi, chạy như đà điểu, nhóm gia cầm, ...  + Di chuyển bằng cách bơi như chim cánh cụt.  \* Nhóm thú : nhóm động vật có tổ chưc cấu tạo cơ thể cao nhất, có lông mao bao phủ, răng phân hóa thành răng cửa, răng nanh, răng hàm, nuôi con bằng sữa mẹ  VD: Trâu, bò, lợn, người, ..  Các đặc điểm giúp phân biệt các nhóm động vật có xương sống:  + Cơ quan hô hấp (mang, phổi);  + Môi trường sống (ở nước, ở cạn);  + Cách di chuyển (bơi, bò, bay, chạy, đi);  + Lớp áo bảo vệ cơ thể (da, vảy sừng, lông vũ, lông mao)  Nhóm động vật có xương sống rất đa dạng:  + Số lượng loài lớn (chiếm khoảng 10 - 20% số loài động vật);  + Số lượng cá thể trong loài lớn;  + Môi trường sống đa dạng: môi trường nước, cạn, trong lòng đất, không khí, trên và trong cơ thể sinh vật khác, .... |
| **Phiếu học tập 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các nhóm động vật có xương sống** | **Đặc điểm** | **Môi trường sống** | | Cá | Thích nghi với đời sống hoàn toàn ở nước, di chuyển bằng vây | Môi trường nước | | Lưỡng cư | Là nhóm động vật ở cạn đầu tiên, da trần và luôn ẩm ướt chân có màng bơi, có đuôi hoặc không có đuôi, một số lưỡng cư thiếu chân | Môi trường nước, trong đất ẩm | | Bò sát | Thích nghi với đời sống ở cạn ( trừ một có loài như cá sấu, rắn nước, rùa), da khô và có vảy sừng bao bọc cơ thể | Môi trường nước, môi trường can ( khô hạn) | | Chim | Là nhóm động vật mình có lông vũ bao phủ, chi trước biển đổi thành cánh, có mỏ sừng, đặc điểm cơ thể thích nghi với các điều kiện môi trường khác nhau, có khả năng bay, chạy hoặc bơi | Môi trường nước, đất, cạn, không khí | | Thú | Tổ chức cấu tạo cơ thể cao nhất, có lông mao bao phủ, phân hóa thành răng cửa, răng nanh, răng hàm, phần lớn đối thủ để con và nuôi con bằng sữa mẹ | Môi trường nước, đất, cạn, không khí | | |

**II. TÁC HẠI CỦA ĐỘNG VẬT TRONG ĐỜI SỐNG**

**Hoạt động 4 : Tìm hiểu một số tác hại của động vật trong đời sống**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết được một số tác hại của động vật với đời sống: gây bệnh, truyền bệnh,…

**b. Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GVSử dụng phương pháp trực quan kết hợp kĩ thuật động não nói, kĩ thuật KWL, GV tổ chức cho HS thảo luận về tác hại của động vật trong đời sống con người dựa trên những nhiệm vụ trong SGKChuyển đặt câu hỏi cho HS trả lời:  8. Quan sát hình 31.4, nêu một số tác hại của động vật trong đời sống con người.  9. Quan sát hình 31.4, em hãy nêu con đường lây nhiễm bệnh dịch hạch ở người.  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi luyện tập:  Địa phương em đã sử dụng những biện pháp nào để phòng trừ động vật gây hại?  **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS Hoạt động theo nhóm đôi, quan sát hình vẽ  + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.  **- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV gọi HS trả lời, HS còn lại nghe và nhận xét  **- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV gợi ý HS rút ra kết luận như SGK. Gv bổ sung thêm kiến thức:Bệnh dịch hạch là bệnh có khả năng lây lan nhanh và nguy hiểm do tỉ lệ tử vong cao, từ 30-60%. Bệnh có thể xảy ra ở mọi lứa tuổi, cả nam và nữ, nhưng chủ yếu ở người dưới 20 tuổi; đễ xảy ra tại nơi đông đúc, chật chội, nơi có điều kiện vệ sinh kém (chuột dễ sinh sống) hoặc vùng có nền đất cát (bọ chét sinh sống); thường xảy ra vào mùa khô, phù hợp với mùa phát triển của vật trung gian truyền bệnh là chuột và bọ chét. Các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh dịch hạch có thể bao gồm: đột ngột sốt và ớn lạnh, đau đầu, mệt mỏi hoặc khó chịu. Một số động vật là trung gian truyền bệnh: bọ chét, chuột, rận,...  GV hướng dẫn HS đọc thêm trong SGK để thấy được ngoài những tác hại, động vật có vai trò quan trọng trong tự nhiên và thực tiễn: là thức ăn cho nhiều loài động vật, cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein, hổ trợ sức kéo, làm cảnh, hỗ trợ công tác an ninh, ... | **2. Tác hại của động vật trong đời sống**  **a. Tìm hiểu một số tác hại của động vật trong đời sống**  Các động vật và tác hại:  + Một số động vật gây bệnh cho con người: bọ chét, giun, sán kí sinh;  + Một số động vật là trung gian truyền bệnh: bọ chét là trung gian truyền bệnh địch hạch, muỗi anophen là trung gian truyền bệnh sốt rét,....  + Một số động vật ảnh hưởng đến công trình giao thông biển như: con hà, con sum; phá hoại đê điều như: mối, mọt, ...  + Một số động vật chuyên phá hoại mùa màng: ốc bươu vàng, chuột, cào cào,  sâu hại, ....  + Một số động vật chuyên kí sinh trên vật nuôi làm ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất đàn nuôi như: sản lá gan, rận cá, ...  Con đường lây nhiễm bệnh dịch hạch ở người: Chuột bị bệnh > Bọ chét > Người  Các biện pháp nào phòng trừ động vật gây hại mà các địa phương có thể áp dụng:  - Tuyên truyền về diệt muỗi và bọ gậy;  + Vệ sinh môi trường định kì  + Vệ sinh cá nhân hằng ngày  + Tiêm phòng (đặc biệt cho trẻ em và người già);  + Chọn các loại giống kháng sâu bệnh;  + Gieo trồng đúng thời vụ để tránh sâu bệnh;  + Sử dụng bẫy và hàng rào chắn côn trùng; |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu :**Học sinh củng cố lại kiến thức.

**b. Nội dung :** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm :** HS làm các bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tập :*

Câu 1: Cho hình ảnh đại diện một số động vật

a. Gọi tên các sinh vật trong hình

b. Vẽ sơ đồ phân chia các đại diện trên thành 2 nhóm, nhóm động vật có xương sống, nhóm động vật không xương sống



Câu 2*:* ghép mỗi nhóm động vật ở cột A với đặc điểm tương ứng trong cột B

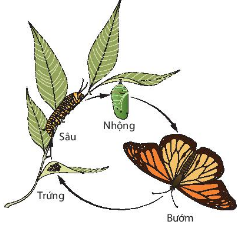
|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1. Ruột khoang | a. Cơ thể phân đốt, có bộ xương ngoài bằng chitin, có thể có cánh |
| 2. Giun | b. Cơ thể mềm, thường không phân đốt và có vỏ đá vôi |
| 3, Thân mềm | c. Cơ thể hình trụ hay hình dù, đối xứng tỏa tròn, có tua miệng |
| 4. Chân khớp | d. Cơ thể mềm, đẹp, kéo dài hoặc phân đốt |

Câu 3 : Em hãy nêu các biện pháp phòng chống giun kí sinh ở người.

Câu 4. Quan sát vòng đời phát triển của loài sâu bướm, em hãy thực hiện các lệnh sau:

a) Giai đoạn nào ảnh hưởng đến nàng suất cây trồng?

b) Theo em, người dân nên sử dụng biện pháp phòng trừ sảu hại nào để đảm bảo hiệu quả và an toàn sinh học. Cho ví dụ.



*- HS làm bài tập, trình bày sản phẩm*

*- GV nhận xét , đánh giá :*

**Câu 1:**

a. Kể tên: bướm, voi, ngựa, chim, khỉ, ốc sên, đỉa, gà, chim cánh cụt

b. Sơ đồ phân chia các động vật trong hình bên thành hai nhóm động vật không xương sống và động vật có xương sống

c. Sơ đồ phân chia các động vật trong hình bên thành hai nhóm động vật không xương sống và động vật có xương sống:

**Câu 2 :**

1-c

2-d

3-b

4-a

**Câu 3 :** Các biện pháp phòng chống giun kí sinh ở người :

|  |  |
| --- | --- |
| * Vệ sinh tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh; * Lau dọn nhà cửa, vật dụng, đồ chơi thường xuyên với nước sát trùng; * Luôn ăn thức ăn đã nấu chín, nước đun sôi để nguội * Hạn chế ăn rau sống; nếu cần, rửa rau nhiều lấn với nước rửa rau chuyên dụng. |  |

**Câu 4.**

a) Giai đoạn sâu.

b) Biện pháp phòng trừ sinh học: sử dụng các loài thiên địch để tiêu diệt sâu hại.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu :**Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.

**b. Nội dung :** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm :** HS làm các bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thực hiện câu hỏi vận dụng:*

Đóng vai là nhà khoa học, em hãy điều tra về một số động vật có tầm quan

trọng đối với nền kinh tế địa phương theo hướng dẫn.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 1**  Nhóm:……………………………………………………………………….  Lớp: ………………………………………………………………………. |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Các nhóm động vật không xương sống** | **Đặc điểm** | **Môi trường sống** | **Đại diện loài** | | Ruột khoang |  |  |  | | Giun |  |  |  | | Thân mền |  |  |  | | Chân khớp |  |  |  | |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 2**  Nhóm:……………………………………………………………………….  Lớp: ………………………………………………………………………. |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các nhóm động vật có xương sống** | **Đặc điểm** | **Môi trường sống** | | Cá |  |  | | Lưỡng cư |  |  | | Bò sát |  |  | | Chim |  |  | | Thú |  |  | |